TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 653 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hải Đăng
2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :Ông Nguyễn Hồng Dân– *Kiểm sát viên*.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1157/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Xuân T, sinh năm 1968 (Có mặt)
Địa chỉ: Phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Mai Xuân K, sinh năm 1970 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Mai Thị Xuân T trình bày:

Bà và ông Mai Xuân K tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26 quyển số 01/94 ngày 14/4/1994. Vợ chồng chung sống khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do lối sống không phù hợp. Ông K có biểu hiện thiếu chung thủy, có lời lẽ xúc phạm đến bà. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến bà và các con dọn ra sống riêng. Tuy không sống chung nhà nhưng ông K có phụ giúp cùng bà để đóng học phí cho các con. Cuộc sống của ai người đó tự lo, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về quan hệ con chung : Bà và ông K có 02 con chung tên Mai Nhật H, sinh ngày 24/5/2003 và Mai Thế U, sinh năm 1999. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : Bà T khai không có và không nợ ai.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Mai Xuân K nhưng ông K vẫn vắng mặt. Ông K không có lời khai, không đến tòa nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay ông K vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà T và ông K chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà nên không thể thực hiện nghĩa vụ chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông K không có lời khai cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, điều này chứng tỏ ông K không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : 02 con chung tên Mai Thế U, sinh năm 1999 và Mai Nhật H, sinh ngày 24/5/2003. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Bà T xác nhận hai con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương thể hiện các con chung không sinh sống với ông K. Mặt khác, trẻ H có

nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ (Bà T). Do đó căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Ngoài ra người con tên U đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung : Bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sở thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Mai Thị Xuân T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do ông K hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K nhưng ông K vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 26 quyển số 01/94 Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/1994 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Xuân T và ông Mai Xuân K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà T nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà T và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà T, ông K chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện bà T và ông K đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình không quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông K không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông K chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Thực tế bà T, ông K không sống chung nhà thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly

hôn của bà T đối với ông K là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Mai Nhật H, sinh ngày 24/5/2003, không yêu cầu ông K đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông K không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông đối với con chung. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con, để các trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ H hiện đang sinh sống cùng bà T và có nguyện vọng được ở với mẹ (bà T) và phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương thể hiện con của ông K và bà T là trẻ H không sinh sống cùng ông K tại phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc được nuôi con chung là trẻ H. Riêng đối với người con tên Mai Thế U, sinh năm 1999 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông K có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147;Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Xuân T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Xuân T được ly hôn với ông Mai Xuân K. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/1994, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Mai Nhật H, sinh ngày 24/5/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con cho ông K do bà T chưa có yêu cầu. Riêng đối với người con tên Mai Thế U, sinh năm 1999 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông K hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Mai Thị Xuân T chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0012172 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UBND P E, Quận 11
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương